

Số: /BC-UBND

Quan Sơn, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2021 trên địa bàn huyện.

Căn cứ luật đất đai 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật đất đai 2013;

Căn cứ Thông tư 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 V/v quy định về thông kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Thực hiện Công văn số 10002/STNMT-ĐDBĐ ngày 12/11/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa, về việc thống kê diện tích đất đai năm 2021 tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 1069/STNMT-ĐDBĐ, ngày 14/02/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa V/v đơn đốc hoàn thành, giao nộp kết quả thống kê đất đai năm 2021.

UBND huyện Quan Sơn giao cho Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện thống kê đất đai và xây dựng kế hoạch thống kê đất đai, dựa vào các tài liệu sẵn có của địa phương khảo sát thực địa, khoanh vẽ những thửa đất biến động lên trên bản đồ làm căn cứ để xây dựng bản đồ nền, thống kê từng loại đất đến ngày 31/12/2021, kết quả thực hiện công tác tổng thống kê đất đai năm 2021 đạt được cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN-KT-XH

I - ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN:

1. Vị trí địa lý

Quan Sơn là huyện miền núi nằm phía Tây Bắc tỉnh Thanh Hóa.

Có vị trí địa lý:

- Từ 21⁰06'15"-20⁰24'30" vĩ độ Bắc.

- Từ 104⁰15'30"-105⁰08'25" kinh độ Đông.

Có ranh giới hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Quan Hóa.

- Phía Tây và Nam giáp nước CHDCND Lào.

- Phía Đông giáp huyện: Lang Chánh, Bá Thước.

Tổng diện tích tự nhiên 92.662.45 ha, trên địa bàn huyện có 12 đơn vị hành chính, gồm 11 xã và thị trấn Sơn Lư. Trung tâm huyện lỵ đóng tại Km 35 Quốc Lộ 217 (thị trấn huyện Quan Sơn – Thị trấn Sơn Lư).

Huyện có vị trí địa lý chiến lược về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa, đồng thời là vùng đầu nguồn của hệ thống sông Mã, có ý nghĩa rất lớn về phòng hộ, tạo nguồn sinh thủy dự trữ nguồn nước, giảm tác động thiên tai và bảo vệ môi trường, tạo cân bằng hệ sinh thái đối với cả tỉnh.

Trên địa bàn huyện có tuyến giao thông đường bộ Quốc lộ 217 chạy qua, là tuyến đường kết nối đường 1A, đường Hồ Chí Minh với nước bạn Lào qua Cửa khẩu quốc tế Na Mèo và cửa khẩu tiểu ngạch Tam Thanh - Sầm Tó là điều kiện thuận lợi về giao lưu kinh tế và hợp tác phát triển.

2. Địa hình

Là huyện vùng cao, địa hình hiểm trở, diện tích bề mặt bị chia cắt mạnh bởi sông Luông và sông Lò, có các dãy núi cao kéo dài thành dải theo hướng Tây Bắc - Đông Nam như: đỉnh Pù Mẩn - Sơn Hà cao 1247m; đỉnh Pha Panh - Sơn Điện, Sơn Lư cao 1146-1346m; Hướng núi thấp dần từ Tây sang Đông, có trên 91% diện tích là đồi núi, với các cấp độ dốc như sau:

- Đất có độ dốc cấp I ($< 3^\circ$): 4,48ha; chiếm gần 0,005% diện tích tự nhiên.
- Có độ dốc cấp II ($4-8^\circ$): 214,86ha; chiếm 0,23%.
- Có Độ dốc cấp III ($9-15^\circ$): 2.285,21 ha; chiếm 2,46%.
- Có độ dốc cấp IV, V, VI ($> 15^\circ$): 90.512,48 ha; chiếm 97,31%.

3. Khí hậu, thời tiết

Huyện Quan Sơn thuộc vùng khí hậu núi cao phía Tây Bắc của tỉnh Thanh Hóa. Nhiệt độ không khí trung bình năm 23°C , nhiệt độ không khí tối cao tuyệt đối $39-40^\circ\text{C}$ vào tháng 5, tháng 7; tối thấp tuyệt đối $2,6^\circ\text{C}$ vào tháng 12, tháng 1. Tổng nhiệt độ năm $8000-8400^\circ\text{C}$.

Lượng mưa trung bình năm trên 1900 mm, mùa mưa tập trung từ tháng 5 đến tháng 10 (lượng mưa trên 100 mm). Tháng có lượng mưa < 100 mm là tháng 12 và từ tháng 1 đến tháng 4 năm sau. Số ngày mưa 194 ngày/năm, tháng có số ngày mưa nhiều nhất là tháng 6; 7; 8.

Độ ẩm không khí tương đối trung bình năm 87%, thấp nhất 84% vào tháng 5, cao nhất 88% vào tháng 8, tháng 9. Tổng số giờ nắng trong năm trung bình là 1.684 giờ.

Lượng bốc hơi trung bình năm 628,9 mm/năm, cao nhất vào tháng 7 là 78 mm, thấp nhất vào tháng 1 là 40,3 mm.

Bão và áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng từ tháng 7 đến tháng 10, trung bình 2 cơn/năm, thường mang theo mưa lớn gây lũ lụt.

4. Các nguồn tài nguyên

4.1. Tài nguyên đất

Tổng diện tích tự nhiên là 92.662,45 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 86.395,44 ha; chiếm 93,24 % diện tích tự nhiên.
- + Đất sản xuất nông nghiệp: 2.564,23 ha; chiếm 2,77%.
- + Đất cho sản xuất lâm nghiệp: 83.756,22 ha; chiếm 90,39%.
- Đất phi nông nghiệp: 2.911,38 ha; chiếm 3,14%.
- Đất chưa sử dụng: 3.355,63 ha; 3,62 %.

Theo kết quả điều tra, phân loại đất theo FAO–UNESCO thổ nhưỡng Quan Sơn có các loại đất như sau:

- Nhóm đá Mác ma axít: có đá mẹ Granít, Riolit.

- Nhóm đá Trầm tích; có đá Sa thạch, Phiến thạch, đá Vôi.

4.2. Tài nguyên nước

Nguồn nước mặt chủ yếu là nguồn nội sinh của các sông, suối thuộc hệ thống sông Mã; trên địa bàn huyện có trên 300 khe, suối lớn, nhỏ thường xuyên có nước. Việc trữ nước cho sản xuất chủ yếu bằng các đập ngăn nhỏ, hiện trên địa bàn huyện có trên 40 đập ngăn giữ nước phục vụ phát triển sản xuất và cấp nước sinh hoạt cho nhân dân. Có 2 sông lớn là Sông Luông và Sông Lò;

- Sông Luông là một nhánh lớn bên hữu ngạn sông Mã có tổng chiều dài 102 km; diện tích lưu vực là 1.590km², đoạn chảy qua huyện dài 48km;

- Sông Lò tổng chiều dài sông là: 74,5 km, diện tích lưu vực 792 km². Đoạn chảy qua địa bàn huyện dài trên 38 km;

Hệ thống sông suối của Quan Sơn có nhiều tiềm năng cho xây dựng các hồ, đập phục vụ tưới thủy lợi; có nhiều vị trí có thể xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ, bổ sung điện năng cho lưới điện Quốc gia và phục vụ phát triển sản xuất như: Na Mèo (trên sông Luông); Trung Thượng, Tam Lư, Trung Xuân (trên sông Lò)...

4.4. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản chủ yếu của huyện Quan Sơn là đá Vôi, cát sỏi ở ven sông Lò, sông Luông. Ngoài ra theo kết quả điều tra năm 2007 trên địa bàn huyện còn có các loại khoáng sản gồm: Mỏ chì, kẽm ở xã Sơn Thủy; Chì, bạc ở xã Sơn Hà; Sắt ở xã Tam Lư; Molipden ở Mường Mìn; Graphit ở xã Na Mèo, đến nay vẫn chưa xác định được trữ lượng.

5. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên

- Thuận lợi

Nhìn chung khí hậu nóng ẩm, mưa nhiều, có nhiều nhóm loại đất để bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp; diện tích rừng và đất lâm nghiệp chiếm phần lớn là tiềm năng để đầu tư phát triển rừng sản xuất theo hướng đồi rừng là chính. Hệ thống sông suối có khả năng phục vụ nước sinh hoạt và nước tưới cho sản xuất nông nghiệp ổn định nếu được bảo vệ rừng đầu nguồn.

- Khó khăn

Địa hình núi cao, bị chia cắt mạnh, độ dốc lớn, giao thông đi lại còn khó khăn nhất là mùa mưa lũ. Khí hậu thời tiết có nhiều yếu tố bất lợi, tạo nguy cơ gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống: như mưa lớn tập trung vào mùa mưa, kết hợp địa hình cao, dốc gây nên lũ quét, sạt lở, xói mòn đất. Chất lượng nước Sông Luông có nguy cơ ngày càng ô nhiễm không thể phục vụ nước sinh hoạt; khả năng phục vụ nước tưới cho sản xuất hạn chế vì xây dựng trạm bơm điện chi phí đầu tư và duy trì hoạt động lại quá cao.

Để khai thác tiềm năng khí hậu, tránh được các yếu tố bất lợi cho nông nghiệp, trong sản xuất cần ứng dụng nông lâm kết hợp, bảo vệ rừng đầu nguồn thực hiện các công thức luân canh tăng vụ như: tăng diện tích gieo trồng vụ đông, chuyển đổi vụ mùa, nhằm không chỉ bảo vệ cây trồng mà còn bảo vệ được tài nguyên đất, nước, bảo vệ môi trường.

II/ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI:

1. Kinh tế chịu sự tác động bất lợi của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, việc làm và thu nhập của nhân dân trên địa bàn huyện.

Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010) ước đạt 1.956 tỷ đồng, bằng 86,6% kế hoạch, giảm 2,54% so với CK. Trong đó ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 1,2%; ngành công nghiệp, xây dựng giảm 2,8%, ngành dịch vụ giảm 3,6%. Về cơ cấu kinh tế năm 2021, tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản chiếm 39,5%, giảm 0,3% so với CK; công nghiệp - xây dựng chiếm 22,2%, tăng 0,2% so với CK; dịch vụ chiếm 38,3%, tăng 0,1% so với CK. Thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành ước đạt 23,96 triệu đồng, bằng 70,5% kế hoạch, giảm 19,7 % so với CK.

2.1. Ngành nông - lâm nghiệp, thủy sản

- Nông nghiệp: Giá trị sản xuất ước đạt 350,5 tỷ, tăng 4,5% so với CK.

+ Trồng trọt: Giá trị sản xuất ước đạt 213,2 tỷ đồng tăng 4,9% so với CK. Giá trị sản phẩm trên 1 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ước đạt 65 triệu đồng, tăng 2,5% so với cùng kỳ. Tổng diện tích gieo trồng là 6.356 ha, đạt 97,8% kế hoạch, giảm 3,1% so với CK. Tổng sản lượng lương thực có hạt cả năm đạt 16.504 tấn, bằng 100% so kế hoạch và tăng 3,7% cùng kỳ. Lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 402 kg/người/năm.

+ Chăn nuôi: Giá trị sản xuất ước đạt 131,4 tỷ đồng, giảm tăng 3,9% so với CK. Đã tập trung quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi. Đến nay dịch tả lợn Châu Phi đã cơ bản được khống chế tại 4/4 xã, trong đó có xã Sơn Điện đã công bố hết dịch. Tính đến 01/10/2021, tổng đàn trâu có 1.392 con, giảm 16,6% so với CK; đàn bò 6.346 con, giảm 15,2% so với CK; đàn lợn 6.914 con, tăng 28,5% so với CK; gia cầm 210 nghìn con, tăng 2,3% so với CK. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng ước đạt 2.901 tấn, tăng 6% so với CK.

+ Dịch vụ nông nghiệp: Hoạt động dịch vụ nông nghiệp ngày càng phát triển, việc đưa máy móc, thiết bị và khoa học vào sản xuất đã góp phần tăng năng suất và nâng cao thu nhập cho ngành nông nghiệp. Giá trị dịch vụ nông nghiệp ước đạt 5,9 tỷ đồng, tăng 7,6% so với cùng kỳ.

- Lâm nghiệp: Phát triển theo hướng bền vững, trồng rừng tập trung đạt 370 ha, 38 nghìn cây phân tán. Công tác khoán chăm sóc, bảo vệ rừng được thực hiện theo kế hoạch, đạt 70.404 ha. Trong năm không xảy ra cháy rừng, tiếp tục duy trì độ che phủ rừng 89,1% (cao nhất toàn tỉnh). Giá trị sản xuất ước đạt 397 tỷ đồng, giảm 6,4% so với CK. An ninh rừng luôn được tăng cường. Lực lượng Kiểm lâm đã kiểm tra, phát hiện và xử lý 29 vụ vi phạm pháp Luật Lâm nghiệp, thu nộp ngân sách nhà nước 360,2 triệu đồng.

- Thủy sản: Phát triển toàn diện cả nuôi trồng và khai thác. Giá trị sản xuất ước đạt 10,5 tỷ đồng, tăng 32,5% so với CK. Tổng sản lượng khai thác nuôi trồng 299 tấn (chủ yếu là cá), trong đó: nuôi trồng 227 tấn, khai thác 72 tấn. Mô hình nuôi Cá tầm xã Sơn điện và nuôi Cá lồng xã Trung Xuân theo tiêu chuẩn VIETGAP mang lại giá trị, hiệu quả kinh tế cao đã thành chuỗi hàng hóa cung ứng ra thị trường, tạo việc làm và nâng cao thu nhập của nhân dân trên địa bàn.

2.2. Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Chương trình xây dựng nông thôn mới được tập trung chỉ đạo thực hiện, đạt kết quả tích cực. Dự kiến đến hết năm 2021 toàn huyện có thêm 5 bản, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới; 2 bản đạt chuẩn Nông thôn mới kiểu mẫu. Bình quân toàn huyện đạt 17,3 tiêu chí/xã, tăng 0,1 tiêu chí so với năm 2020; 13,6 tiêu

chí/bản. Tổng ngân sách huy động nguồn lực trong năm 2021 là 10,43 tỷ đồng, trong đó: Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác trên địa bàn: 3,5 tỷ đồng; Công ty xi măng Bỉm Sơn hỗ trợ 1.200 tấn xi măng, tương đương 1,83 tỷ đồng; Cộng đồng dân cư: 5,1 tỷ đồng; năm 2021, huyện tiếp tục phát triển các sản phẩm có tiềm năng lợi thế để xây dựng sản phẩm OCOP vào năm 2022.

2.3. Công tác phòng, chống thiên tai

Phương án 4 tại chỗ được kích hoạt sẵn sàng khi có sự cố thiên tai xảy ra trên địa bàn. Đã tiếp nhận và cấp phát 65 keng báo động lũ cho các xã, thị trấn. Tổ chức rà soát các hộ gia đình nằm trong vùng có nguy cơ cao về thiên tai, đề xuất UBND tỉnh sắp xếp, ổn định dân cư khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất với 826 hộ dân tại 12/12 xã, thị trấn, trong đó có 563 hộ ở vùng có nguy cơ rất cao; 263 hộ ở vùng có nguy cơ cao. Ban hành Lệnh xây dựng khẩn cấp công trình Sắp xếp, ổn định dân cư tại khu Co Hương bản Ngâm, xã Tam Thanh, di dời khẩn cấp các hộ dân ở khu vực có nguy cơ rất cao xảy ra sạt lở đất; nhằm xử lý kịp thời các hậu quả do thiên tai có thể gây ra; đảm bảo an toàn về tính mạng và tài sản cho nhân dân.

2.4. Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng

- Công nghiệp: Giá trị sản xuất ước đạt 147,1 tỷ đồng, bằng 81,7% so với KH, tăng 25,8% so với CK. Trong đó: công nghiệp khai thác ước đạt 18,3 tỷ đồng, giảm 11,6% so với CK; công nghiệp chế biến, sản xuất và phân phối điện ước đạt 128,9 tỷ đồng, tăng 33,8% so với CK. Toàn huyện có 98 cơ sở chế biến lâm sản, chủ yếu là hoạt động sơ chế; các cơ sở sản xuất tiếp tục duy trì hoạt động trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19. Nhà máy thủy điện Trung Xuân và Công ty cổ phần Ngọc Sơn Thanh Hoá tại xã Trung Hạ hoạt động sản xuất ổn định và phát triển.

- Xây dựng: Giá trị sản xuất ước đạt 256 tỷ đồng, giảm 14% so với CK. Các công trình xây dựng có vốn ngân sách nhà nước được triển khai khẩn trương, đúng tiến độ; hoạt động xây dựng trong dân cư và vốn xã hội hóa xây dựng nông thôn gặp nhiều khó khăn.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 571 tỷ đồng, bằng 76,1% so với KH, giảm 17,5% so với CK. Trong đó: Vốn trung ương 45 tỷ, vốn địa phương 282 tỷ đồng, vốn khu vực dân cư, doanh nghiệp và xã hội hóa là 244 tỷ đồng.

Triển khai đầu tư 100 công trình, dự án, trong đó 77 công trình, dự án đã hoàn thành, giải ngân trong năm 2021 được 190,0 tỷ đồng, đạt 87,2% kế hoạch vốn giao. Tính đến ngày 10/12/2021 trình quyết toán 76 công trình với giá trị 209,8 tỷ đồng; quyết toán được 62 công trình với giá trị 198,5 tỷ đồng. Thực hiện lập và trình phê duyệt các quy hoạch như: Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Sơn Lư, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2035; Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quan Sơn đến năm 2045; Quy hoạch chung xây dựng xã đến năm 2030.

2.5. Lĩnh vực dịch vụ

Giá trị sản xuất ước đạt 795 tỷ đồng, giảm 3,6% so với CK. Các ngành dịch vụ bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19. Hoạt động thương mại duy trì tương đối ổn định, giá cả các mặt hàng không có biến động lớn. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ ước đạt 377 tỷ đồng, giảm 0,5% so với CK. Công

tác quản lý thị trường được tăng cường. Trong năm, đã tiến hành kiểm tra 48 trường hợp, xử phạt hành chính 29 vụ, thu nộp ngân sách 27,2 triệu đồng.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, hoạt động vận tải hành khách giảm mạnh. Vận chuyển hành khách đạt 78,4 nghìn lượt, luân chuyển đạt 11.754 người, giảm 23,5% so với CK. Doanh thu vận tải ước đạt 34,8 tỷ đồng, giảm 7,2% so với CK; hàng hóa vận chuyển đạt 104,7 nghìn tấn, luân chuyển đạt 3.665 tấn.

Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển đa dạng, phủ sóng di động đạt 100% khu vực dân cư sinh sống. Trong năm, đã xây dựng mới 80 km cáp viễn thông, hạ tầng viễn thông di động; 07 cột anten thu, phát sóng thông tin di động.

Hoạt động của các ngân hàng ổn định, đáp ứng nhu cầu vay vốn sản xuất, kinh doanh. Huy động vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội đạt 82 tỷ, tổng dư nợ 305 tỷ đồng; Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT huy động vốn đạt 195 tỷ đồng, tổng dư nợ 295 tỷ đồng.

3. Công tác quản lý nhà nước về ngân sách được chú trọng; phát triển doanh nghiệp đạt kết quả tích cực.

3.1. Tổng thu NSNN trên địa bàn năm 2021 (Chưa bao gồm thu kết dư, thu chuyển nguồn, thu từ các khoản hoàn trả, thu hồi phát sinh năm trước, thu huy động đóng góp) là: 18,4 tỷ đồng, bằng 130% dự toán huyện giao, và tăng 11% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, ngân sách huyện - xã hưởng 15,6 tỷ đồng, bằng 114% dự toán huyện giao.

Chi ngân sách địa phương đáp ứng nhu cầu kinh phí thực hiện nhiệm vụ trên các lĩnh vực, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả. Tổng chi ngân sách huyện - xã, ước thực hiện năm 2021 là 569 tỷ đồng, đạt 147% dự toán giao, bằng 78% so với cùng kỳ năm 2020.

3.2. Hoạt động phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ đào tạo quản trị kinh doanh được quan tâm thực hiện. Đã tổ chức 01 lớp đào tạo với 100 học viên. Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch UBND huyện bố trí lịch tiếp doanh nghiệp nhằm kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư. Trong năm, 02 hợp tác xã, 21 doanh nghiệp được thành lập mới, vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

4. Công tác quản lý, sử dụng tài nguyên được quan tâm, hoạt động bảo vệ môi trường có chuyển biến tích cực.

Triển khai thực hiện Quyết định thành lập Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Quan Sơn, trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hóa. Hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2020; trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021- 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu trên địa bàn huyện. Đã cấp mới, cấp đổi, cấp lại được 427 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tổng số tiền thu đạt 2,7 tỷ đồng. Tổ chức rà soát thống nhất xong diện tích đất của Ban quản lý rừng phòng hộ Quan Sơn trình UBND tỉnh thu hồi giao về địa phương quản lý. Rà soát xong các trường hợp vi phạm xây nhà trên đất nông nghiệp. Tiến hành kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện, xử lý nghiêm đối với trường hợp vi phạm và yêu cầu các cơ sở hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt. Công tác bồi thường giải phóng mặt bằng được tập trung chỉ đạo hoàn thành 100% kế hoạch đề ra. Công tác quản lý tài nguyên khoáng sản được chú trọng, không để xảy ra tình trạng khai

thác khoáng sản trái phép. Hoạt động quản lý bảo vệ môi trường được duy trì, đi vào nề nếp, hằng tuần các xã, thị trấn trên địa bàn huyện ra quân thu gom, dọn dẹp vệ sinh môi trường, trên địa bàn huyện không có cơ sở sản xuất xả thải ra nguồn nước gây ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đạt 78,5%.

5. Chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội được quan tâm; an sinh xã hội được đảm bảo.

5.1. Công tác thông tin, tuyên truyền đã tập trung thông tin về Đại hội XIII của Đảng; bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026; các sự kiện, nhiệm vụ quan trọng của đất nước, của tỉnh, của huyện và công tác phòng, chống dịch Covid-19. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được triển khai hiệu quả. Năm 2021 dự kiến có 70/94 bản/khu phố được công nhận danh hiệu văn hóa đạt 74 %, tăng 4% so với chỉ tiêu tỉnh giao; có 66% gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa, vượt 6% so với chỉ tiêu tỉnh giao. Phong trào văn nghệ dân gian, thể dục thể thao được duy trì trong điều kiện dịch Covid-19 diễn biến phức tạp: tỷ lệ người dân tập thể dục thể thao thường xuyên đạt 30% dân số. Phối hợp với Trung tâm Văn hóa tỉnh tổ chức thành công Lễ tổng kết và trao giải Lễ hội văn hóa "Hương sắc vùng cao và liên hoan trình diễn các trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số" tỉnh Thanh Hóa. Tham gia các Hội thi cấp tỉnh đạt nhiều giải cao. Đã chỉ đạo 10/12 xã, thị trấn tổ chức thành công Đại hội TDTT năm 2021. Công tác quản lý các di tích, di sản văn hóa được quan tâm. Phối hợp với Trung tâm bảo tồn di sản tỉnh rà soát hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị công nhận đền thờ Tư Mã Hai Đào là di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh; hoàn thiện hồ sơ khoa học lễ hội Mừng Xia đã được UBND tỉnh trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xem xét đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia. Ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, giải quyết thủ tục hành chính luôn được chú trọng thực hiện. Trang bị và duy trì có hiệu quả hệ thống phòng họp không giấy tờ, họp trực tuyến từ Trung ương, tỉnh đến huyện đến xã.

5.2. Ngành Giáo dục và đào tạo đã chủ động, kịp thời điều chỉnh kế hoạch thời gian năm học, linh hoạt trong tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá, để vừa bảo đảm phòng, chống dịch bệnh Covid-19, vừa hoàn thành năm học 2020-2021 và triển khai nhiệm vụ học kỳ I năm học 2021-2022. Tập trung chỉ đạo các nhà trường nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tham gia đầy đủ các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh đạt kết quả tích cực. Kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT và kỳ thi Tốt nghiệp THPT được tổ chức an toàn, đúng quy chế. Năm học 2020-2021, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 88,3%, điểm thi đại học cao nhất đạt 26,8 điểm; có 03 điểm 10; 52 điểm từ 9 đến dưới 10. Đã thực hiện sắp xếp, chuyển chuyên, tuyển dụng giáo viên đảm bảo hoạt động dạy và học tại các nhà trường. Công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tiếp tục được quan tâm đầu tư. Trong năm có thêm 02 trường được đánh giá kiểm định chất lượng và công nhận đạt chuẩn, nâng số trường đạt chuẩn quốc gia của huyện lên 25 trường, đạt tỷ lệ 61%.

5.3. Thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân, các phương án đối phó với dịch Covid-19. Duy trì 12/12 xã đạt chuẩn quốc gia về y tế. Công tác xây dựng xã, thị trấn đạt tiêu chí an toàn thực phẩm

được chú trọng, ước tính năm 2021 có 03 xã đạt tiêu chí an toàn thực phẩm (đạt 60% kế hoạch tỉnh giao), nâng tổng số xã đạt tiêu chí về ATTP lên 10 xã. Đã xây dựng được 01 chuỗi lúa gạo; 01 chuỗi thịt gia súc, gia cầm; 01 chuỗi cung ứng thịt gia súc, gia cầm; 01 chuỗi cung ứng thủy sản; 02 cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn. Toàn huyện đã thành lập 25 đoàn kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm, tiến hành kiểm tra 438 cơ sở kinh doanh, chế biến thực phẩm, kết quả: có 438/438 cơ sở đạt yêu cầu.

5.4. Thực hiện đầy đủ kịp thời các chính sách an sinh xã hội, triển khai hiệu quả làm nhà ở cho 100 hộ nghèo, do Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam hỗ trợ. Công tác rà soát hộ nghèo được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ đúng quy trình, kịp thời về tiến độ, kết quả rà soát theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 giảm 205 hộ, còn 532 hộ (= 5,77%); theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 hộ nghèo tăng lên 3.693 (= 40,04%), hộ cận nghèo 2.653 (=28,76%). Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 98,2%, tăng 2,2% so với kế hoạch. Giải quyết việc làm cho 645 lao động, trong đó xuất cảnh đi làm việc có thời hạn tại nước ngoài 45. Triển khai kịp thời và thực hiện tốt chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do tác động của dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ, tính đến ngày 10/12/2021 đã hỗ trợ cho 109 đối tượng số tiền là 108,5 triệu đồng.

5.5. Các chính sách dân tộc được thực hiện đầy đủ, kịp thời: Thực hiện Quyết định 861/QĐ-TTg, hiện nay huyện còn 02 xã đặc biệt khó khăn (Na Mèo, Sơn Thủy); Thực hiện Quyết định 612/QĐ-UBND, trên địa bàn còn 17 bản đặc biệt khó khăn (giai đoạn 2016 - 2020, huyện có 12 xã, 68 bản, khu phố đặc biệt khó khăn); đồng thời triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi huyện Quan Sơn giai đoạn 2021- 2025; Quyết định 1227/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về danh sách các dân tộc còn gặp khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021 - 2025. Triển khai có hiệu quả chính sách cho người có uy tín; hỗ trợ chính sách kịp thời cho 35 tập thể và cá nhân tự nguyện bảo vệ đường biên, cột mốc theo Chỉ thị số 01/CT-TTg về việc tổ chức toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới; “Tuyên truyền thực hiện nếp sống văn hóa trong tang lễ vùng đồng bào Mông”; Đề án “Giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong đồng bào DTTS tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2025”; Đề án “Ổn định sản xuất, đời sống và phát triển kinh tế xã hội các bản dân tộc Mông, huyện Quan Sơn”; Đề án “Đẩy mạnh công tác phổ biến giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2017 - 2021”; Đề án diêm giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn huyện.

6. Quốc phòng - an ninh được củng cố, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, tạo thuận lợi cho kinh tế - xã hội của huyện phát triển.

6.1. Các lực lượng vũ trang thường xuyên nắm chắc tình hình, chủ động xử lý kịp thời các tình huống, không để bị động, bất ngờ, thực hiện nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu. Duy trì lực lượng tham gia phòng, chống dịch Covid-19 tại các khu cách ly tập trung. Tổ chức Lễ đón nhận 62 quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương. Hoàn thành công tác tuyển và giao nhận quân năm 2021 đạt yêu cầu về số lượng và chất lượng (quân đội nhân dân 66 đồng chí, công an 12 đồng chí). Tổ chức ra quân huấn luyện cho lực

lượng vũ trang huyện năm 2021 theo đúng kế hoạch. Chỉ đạo 03 xã (Trung Tiến, Trung Hạ, Trung Xuân) xây dựng đầy đủ hệ thống kế hoạch, văn kiện diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2021. Hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng Thao trường huấn luyện của Lực lượng vũ trang huyện tại bản Làng, xã Sơn Hà. Lực lượng biên phòng đã bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia; tổ chức kiểm soát chặt chẽ người, phương tiện xuất, nhập cảnh; duy trì các tổ, chốt kiểm soát phòng, chống dịch Covid-19, đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm.

6.2. Lực lượng công an đã mở các đợt cao điểm về tấn công trấn áp tội phạm; chủ động nắm tình hình, kịp thời phát hiện và đấu tranh với các loại tội phạm; cùng với các địa phương đã triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phòng, chống Covid-19 ở cơ sở, nhất là thực hiện có hiệu quả các chốt phòng, chống dịch Covid-19, công tác truy vết, khoanh vùng cách ly. Đã phát hiện và xử lý 43 vụ, 60 đối tượng, tăng 13,1% (43/38) về số vụ, tăng 57,9% (60/38) về số đối tượng so với năm 2020. Trong đó: Tội phạm và vi phạm pháp luật về TTXH xảy ra 19 vụ, 29 đối tượng (giảm 26,9%); tội phạm về ma túy 15 vụ, 22 đối tượng (tăng 87,5%); tội phạm và vi phạm pháp luật về kinh tế, môi trường 09 vụ, 09 đối tượng (tăng 125%), thu giữ: 03 điện thoại di động, 34,45 triệu đồng; 12,821 (g) nhựa cây thuốc phiện, 632,901(g) Methamphetamine, 36,972 (g) Heroin; 27 cá thể động vật, 03 xe ô tô, hơn 10m³ gỗ và nhiều tang vật khác. Công tác đảm bảo ATGT được tăng cường. Lực lượng CSGT đã tuần tra, kiểm soát và xử lý 266 trường hợp (423 lỗi) vi phạm TTATGT, xử phạt 655,05 triệu đồng, tạm giữ 42 phương tiện, tước quyền sử dụng GPLX, giấy chứng nhận 62 trường hợp.

6.3. Hoạt động hợp tác, đối ngoại được duy trì. Phối hợp chặt chẽ với huyện Viêng Xay, Sầm Tớ trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Quản lý chặt chẽ hệ thống đường biên, mốc quốc giới, duy trì thực hiện nghiêm túc Hiệp định về quy chế biên giới Việt Nam - Lào, Nghị định 34, 112 của Chính phủ về quy chế biên giới, cửa khẩu. Huyện đã tổ chức đoàn đến thăm, chúc tết nhân dịp Tết cổ truyền Bumpimay huyện Sầm Tớ, trao số tiền 200 triệu đồng hỗ trợ xây tượng Phật, đồng thời gửi thư chúc tết huyện Viêng Xay.

PHẦN THỨ HAI CÔNG TÁC THỐNG ĐẤT ĐAI NĂM 2021

I. HÌNH THỨC TRIỂN KHAI VÀ PHƯƠNG PHÁP THU THẬP SỐ LIỆU.

1. Công tác triển khai.

UBND huyện Quan Sơn thành lập tổ thống kê đất đai và xây dựng kế hoạch thống kê đất đai, dựa vào các tài liệu sẵn có của địa phương, khảo sát thực địa, khoanh vẽ những thửa đất biến động lên trên bản đồ làm căn cứ để xây dựng bản đồ nền, thống kê từng loại đất có đến ngày 31/12/2021.

2. Phương pháp thu thập số liệu.

Bản đồ điều tra khoanh vẽ: Việc điều tra, khoanh vẽ thực hiện trên bản đồ địa chính đo vẽ năm 2009, bản đồ địa chính cơ sở, đồng thời tham khảo thêm nguồn bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020.

Thông tin hiện trạng sử dụng đất được thu thập bằng phương pháp điều tra, khoan vẽ từ hồ sơ địa chính và các hồ sơ thủ tục hành chính về đất đai, hồ sơ thanh tra kiểm tra sử dụng đất đã thực hiện ở các cấp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết hợp điều tra thực địa để rà soát chỉnh lý khu vực biến động và khoan vẽ bổ sung các trường hợp sử dụng đất chưa thể hiện trên bản đồ địa chính.

Các khu đất có cùng mục đích sử dụng và đối tượng sử dụng thống nhất trên hồ sơ địa chính và ngoài thực địa thì khoan vẽ thành 1 khoan đất.

II. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2021.

1. Phạm vi thống kê đất đai:

Được thực hiện trên toàn xã, số liệu thống kê đất đai được tổng hợp từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có sử dụng đất đã được kiểm kê đất đai đến 31/12/2021.

2. Đối tượng, nội dung thống kê đất đai:

Kiểm kê người sử dụng, quản lý đất theo mục đích sử dụng đất.

3. Chỉ tiêu thống kê đất đai gồm:

Chỉ tiêu thống kê diện tích đất theo mục đích sử dụng đất; Chỉ tiêu thống kê đất đai về loại đối tượng sử dụng đất; loại đối tượng được nhà nước giao quản lý đất.

4. Tổng diện tích tự nhiên trong địa giới hành chính.

Được thống kê theo diện tích các loại đất nằm trong đường địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính của Chính phủ.

5. Kết quả thực hiện.

Sau khi tổng hợp số liệu kết quả thống kê đất đai tính đến ngày 31/12/2021 của huyện Quan Sơn cụ thể như sau:

TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN: 92.662,45 ha

1. Nhóm đất nông nghiệp: 86.395,44, chiếm 93,24.0% tổng diện tích tự nhiên, gồm :

a) Đất sản xuất nông nghiệp: 2.564,23 ha chiếm 2,77 % diện tích tự nhiên.

b) Đất lâm nghiệp: 83.756,22 ha, chiếm 90,39 % diện tích tự nhiên.

c) Đất nuôi trồng thủy sản: 74,98 ha, chiếm 0.08 % diện tích tự nhiên;

2. Nhóm đất phi nông nghiệp: 2.911,38 ha, chiếm 3,14% diện tích tự nhiên, gồm:

a) Đất ở tại nông thôn: 356,99 ha, chiếm 0,39 % diện tích tự nhiên;

b) Đất ở tại đô thị: 36,31 ha, chiếm 0,04 % diện tích tự nhiên;

c) Đất chuyên dùng: 1.007,06 ha, chiếm 1.09 % diện tích tự nhiên.

d) Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 230,09 ha, chiếm 0,25 % diện tích tự nhiên;

e) Đất sông suối, kênh, rạch: 1.276,91 ha, chiếm 1,38 % diện tích tự nhiên;

3. Nhóm đất chưa sử dụng: 3.355,63 ha, chiếm 3,62 % diện tích tự nhiên.

CƠ CẤU DIỆN TÍCH THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG, QUẢN LÝ ĐẤT.

1. Về Đối tượng sử dụng :

* **Hộ gia đình, cá nhân:** 14.316,31 ha, chiếm 15,45 % diện tích tự nhiên.

* **Các tổ chức kinh tế :** 118,39 ha, chiếm 0.13 % diện tích tự nhiên.

* **Cơ quan, đơn vị của nhà nước:** Sử dụng 58.569,0 ha, chiếm 63,21% diện tích tự nhiên.

* **Tổ chức sự nghiệp công lập:** Sử dụng 636,08 ha, chiếm 0.69% diện tích tự nhiên.

2. Đối tượng quản lý :

- **UBND xã quản lý:** 3.760,78 ha, chiếm 4,06 % diện tích tự nhiên.

- **Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác:** 15.257,87 ha, chiếm 16,47% diện tích tự nhiên.

PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG.

- So sánh tăng giảm giữa kỳ thống kê năm 2021 với kiểm kê năm 2020 và thống kê năm 2019.

Đơn vị tính: ha

Thứ tự	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2021	So với năm 2020		So với năm 2019		Ghi chú
				Diện tích	Tăng (+) giảm (-)	Diện tích	Tăng (+) giảm (-)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) - (5)	(7)	(8) = (4) - (7)	(9)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		92662.45	92662.45	-	92662.45	-	
1	Đất nông nghiệp	NNP	86395.44	86391.83	3.61	86410.79	-15.35	
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	2564.23	2564.53	-0.3	2565.76	-1.53	
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	1632.03	1632.6	-0.57	1633.11	-1.08	
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	1205.84	1205.62	0.22	1206.04	-0.2	
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	426.18	426.98	-0.8	427.07	-0.89	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	932.2	931.93	0.27	932.65	-0.45	
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP	83756.22	83752.32	3.9	83770.05	-13.83	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX	57114.21	57104.16	10.05	57121.89	-7.68	
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	26642.01	26648.15	-6.14	26648.15	-6.14	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	74.98	74.98	-	74.98	-	
1.4	Đất làm muối	LMU	-	-	-	-	-	
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	-	-	-	-	-	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	2911.38	2914.95	-3.57	2895.99	15.39	
2.1	Đất ở	OTC	393.3	391.36	1.94	391.26	2.04	
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	356.99	355.08	1.91	354.98	2.01	
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	36.31	36.29	0.02	36.29	0.02	
2.2	Đất chuyên dùng	CDG	1007.06	1012.42	-5.36	993.7	13.36	
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9.78	9.76	0.02	9.76	0.02	
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	62.76	54.55	8.21	54.55	8.21	
2.2.3	Đất an ninh	CAN	1.92	1.92	-	1.92	-	
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	78.78	78.07	0.71	78.07	0.71	
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	63.15	58.86	4.29	58.91	4.24	
2.2.6	Đất có mục đích công cộng	CCC	790.67	809.27	-18.6	790.49	0.18	
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	4.02	4.02	-	4.02	-	
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	-	-	-	-	-	
2.5	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	230.09	230.09	-	230.09	-	
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1276.91	1277.05	-0.14	1276.91	-	
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0.01	0.01	-	0.01	-	
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	-	-	-	-	-	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	3355.63	3355.66	-0.03	3355.67	-0.04	
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	323.82	323.86	-0.04	323.87	-0.05	
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	-	-	-	-	-	
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS	3031.81	3031.81	-	3031.81	-	

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT BIẾN ĐỘNG TĂNG, GIẢM TỪ 01/01/2021 ĐẾN 31/12/2021.

* Đất trồng lúa có đến 31/12/2021: 1.205,84 ha giảm 0,2 ha. Do thu hồi đất mở rộng nâng cấp các đường giáp thông liên xã, liên thôn.

* Đất trồng cây hàng năm khác có đến 31/12/2021: 426,18 ha giảm 0,89 ha. Do thu hồi mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, liên thôn và chuyển mục đích từ đất cây hàng năm khác sang đất ở.

* Đất trồng cây lâu năm có đến 31/12/2021: 932,2 ha giảm 0,45 ha. Do thu hồi mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, liên thôn và chuyển mục đích từ đất cây hàng năm khác sang đất ở.

* Đất lâm nghiệp đến 31/12/2021: 83.756,22 ha giảm 13,83 ha. Do thu hồi mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, liên thôn và chuyển mục đích từ đất cây hàng năm khác sang đất ở.

* Đất nuôi trồng thủy sản có đến 31/12/2021: 74,98 ha giảm 0.00 ha. Không biến động so với kỳ kiểm kê trước.

* Đất ở có đến 31/12/2021: 393,30 ha tăng 2,04 ha. Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất sang đất ở.

* Đất trụ sở có đến 31/12/2021: 9,78 ha tăng 0,02 ha. Do Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất sang đất trụ sở để mở rộng các trụ sở làm việc.

* Đất quốc phòng có đến 31/12/2021: 62,76 ha. Tăng 8,21 ha, Do thu hồi đất rừng sản xuất, đất cây lâu năm sang làm chốt căn cứ chiến đấu của quân sự huyện, mở rộng trường bắn trên địa bàn huyện.

* Đất an ninh có đến 31/12/2021: 1.92 ha tăng 00 ha. Không biến động so với kỳ kiểm kê trước.

* Đất xây dựng công trình sự nghiệp có đến 31/12/2021: 78,78 ha. tăng 0,71 ha. Do Chuyển mục đích từ đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm, đất rừng sản xuất sang đất trụ sở để mở rộng các trụ sở làm việc.

* Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp có đến 31/12/2021: 63,15 ha tăng 4,24 ha. Do chuyển từ đất rừng sản xuất và đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất bằng chưa sử dụng sang. Trên địa bàn huyện được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư các công trình.

* Đất có mục đích công cộng tính đến 31/12/2021: 790,67 ha tăng 0,18 ha. Do mở rộng, nâng cấp đường giao thông liên xã, liên thôn.

* Đất cơ sở tôn giáo: có đến ngày 31/12/2021: 4,02 ha. Không biến động so với kỳ kiểm kê trước.

* Đất nghĩa trang, nghĩa địa có đến 31/12/2021: 230,09 ha giảm 0,0 ha.

* Đất có sông suối, mặt nước chuyên dùng tính đến 31/12/2021: 1276,91 ha Không biến động so với kỳ kiểm kê trước.

* Đất chưa sử dụng tính đến 31/12/2021: 3355,63 ha giảm 0.04 ha. Do đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng.

(có bảng biểu chi tiết kèm theo)

6. Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến 31/12/2021.

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa thể hiện định hướng sử dụng đất trên địa bàn huyện trong giai đoạn 2021 - 2030, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh theo nghị quyết Đảng bộ đề ra, đồng thời là công cụ quan trọng để cho UBND huyện thực hiện việc quản lý toàn bộ đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật.

7. Đánh giá tình hình sử dụng đất theo mục đích được giao, được thuê, được chuyển mục đích sử dụng.

Việc sử dụng, quản lý đất đai trên địa bàn huyện tuân thủ theo các quy định của pháp luật về đất đai. Việc sử dụng đất nông nghiệp, đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp đang mang lại hiệu quả sử dụng một cách triệt để và hiệu quả về mặt kinh tế.

8. Những thuận lợi, khó khăn trong quá trình đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Thuận lợi: Xã đã thực hiện đo đạc địa chính toàn bộ đất sản xuất nông nghiệp và đất phi nông nghiệp, nên công tác lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuận lợi hơn. Công tác quản lý hồ sơ địa chính đã thực hiện quản lý 3 cấp xã, huyện, tỉnh.

- Khó khăn: Đất lâm nghiệp và đất đồi núi chưa sử dụng chưa đo đạc nên gặp khó khăn trong công tác quản lý. Trình tự, thủ tục, mẫu giấy chứng nhận hay thay đổi, nên tiến độ cấp giấy chứng nhận chậm.

- Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của nhân dân khi thực hiện việc nộp lệ phí chức bạ và tiền sử dụng đất trước khi cấp giấy chậm, dẫn đến công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa hoàn thành.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG :

Công tác Thống kê đất đai năm 2021 là một trong những nhiệm vụ quan trọng, qua đó giúp địa phương nắm chắc quỹ đất hiện trạng đang sử dụng về cơ cấu các loại đất, tạo tiền đề trong việc hoạch định các chiến lược phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

IV. KẾT LUẬN:

Số liệu thống kê kiểm kê đất đai năm 2021 huyện Quan Sơn đã được tổng hợp đầy đủ, là số liệu tin cậy, sát với thực tế, đồng thời làm cơ sở cho việc đánh giá, xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của xã từ nay trở về sau. Đề nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các ngành có chức năng xem xét phê duyệt.

Trên đây là kết quả Thống kê đất đai đến ngày 31/12/2021, UBND huyện Quan Sơn báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Sở TN&MT;
- TTr huyện Ủy (để b/c);
- TTr HĐND (để b/c);
- TTr UBND huyện (để b/c);
- Lưu: VT, TNMT.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Trọng Tuấn